**NÂNG CAO XẾP HẠNG CHỈ SỐ KHỞI SỰ KINH DOANH, THÚC ĐẨY GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG**

***Nguyễn Thị Kim Chi***

***Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương***

Trong thời gian qua, cải cách môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là một trong những mục tiêu trọng tâm của Chính phủ. Chính phủ đã triển khai nhiều hành động, trong đó đặc biệt là việc ban hành các Nghị quyết 19 và sau đó là Nghị quyết 02 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Với quyết tâm cao của Chính phủ, sự tham gia tích cực của các Bộ, ngành, địa phương và sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp, môi trường kinh doanh cùa Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Phần viết dưới đây phân tích chỉ số Khởi sự kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới cũng như thực trạng chỉ số này tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao xếp hạng chỉ số Khởi sự kinh doanh, thúc đẩy gia nhập thị trường.

1. **Khởi sự kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới**

Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế
giới là báo cáo kết quả điều tra, khảo sát về các quy định dẫn tới thúc đẩy hoặc hạn chế hoạt động kinh doanh. Đây là báo cáo thường niên, được Ngân hàng Thế
giới thực hiện hàng năm kể từ năm 2003. Báo cáo đưa ra đánh giá tổng quan về xếp hạng mức độ thân thiện của môi trường kinh doanh dựa trên một bộ chỉ số đo lường và so sánh các quy định áp dụng đối với doanh nghiệp trong vòng đời phát triển của mình (từ khi thành lập đến khi giải thể, phá sản). Báo cáo không chỉ xem xét chất lượng các quy định pháp luật mà còn chú trọng cả hiệu quả thực thi trên thực tế thông qua 10 bộ chỉ số đánh giá. Khởi sự kinh doanh là một trong 10 chỉ số thuộc báo cáo Môi trường kinh doanh. Khởi sự kinh doanh là bước đi cơ bản đầu tiên mà nhà đầu tư phải thực hiện để bắt đầu hoạt động kinh doanh. Chỉ số này đo lường sự dễ dàng trong gia nhập thị trường. Theo đó, nếu khởi sự kinh doanh không dễ dàng, không thuận lợi sẽ làm tăng chi phí về thời gian và cơ hội, làm suy giảm động lực cạnh tranh và xa hơn là làm giảm năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các quy định kinh doanh, trong đó có giai đoạn khởi nghiệp, gia nhập thị trường giữ một vai trò nhất định, tác động đến tốc độ tăng trưởng cũng như đầu tư của mỗi quốc gia.

Ngân hàng thế giới (2015) chỉ ra rằng một hệ thống quy định kinh doanh tổng thể hợp lý sẽ tác động tích cực đến việc tăng số lượng doanh nghiệp thành lập mới, đồng thời, việc cải thiện các quy định kinh doanh cũng ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng GDP bình quân đầu người hàng năm. Một nghiên cứu khác của Ngân hàng Thế giới (2016) cũng chỉ ra rằng chi phí, thời gian và thủ tục cần thiết để bắt đầu kinh doanh là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến số lượng đăng ký thành lập doanh nghiệp mới. Việc cải cách các quy định pháp lý về gia nhập thị trường gắn liền với sự phát triển về số lượng doanh nghiệp thành lập mới. Các quốc gia có môi trường kinh doanh kém cạnh tranh, khung khổ pháp lý rườm rà, chồng chéo sẽ hạn chế sự phát triển của khu vực kinh tế chính thức, làm gia tăng tình trạng doanh nghiệp hoạt động phi chính thức. Jonathan Munemo (2014) cho rằng cải cách các quy định trong khởi sự kinh doanh có thể đóng vai trò quan trọng trong tăng cường bổ sung giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, từ đó làm tăng tinh thần kinh doanh và tăng trưởng kinh tế ở các nước thu nhập thấp.

Như vậy, đối với một quốc gia, các quy trình, thủ tục khởi sự kinh doanh càng đơn giản thì càng khuyến khích ngày càng nhiều các doanh nghiệp đăng ký thành lập theo quy định pháp luật, từ đó làm tăng cơ hội việc làm trong khu vực chính thức. Mặt khác, đối với doanh nghiệp, khi doanh nghiệp chính thức đăng ký kinh doanh thì sẽ có cơ hội tiếp cận tốt các dịch vụ, được hưởng các hỗ trợ (nếu có) có Nhà nước, đồng thời đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định của phát luật, năng suất, hiệu quả hoạt động tăng lên.

Chỉ số Khởi sự kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới ghi nhận tất cả các quy trình, thủ tục chính thức mà nhà đầu tư phải thực hiện để đưa doanh nghiệp hoạt động cũng như thời gian và chi phí để thực hiện các thủ tục đó. Theo đó, bộ chỉ số Khởi sự kinh doanh bao gồm bốn chỉ tiêu thành phần, cụ thể: (i) số bước thủ tục; (ii) thời gian; (iii) chi phí; và (iv) yêu cầu về vốn tối thiểu để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (chia theo giới tính nam/nữ của người đăng ký) (Hình 1).

Hình 1: Cách thức đo lường chỉ số Khởi sự kinh doanh

****

*Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh, Ngân hàng thế giới*

Kết quả tính điểm và xếp hạng chỉ số dựa trên 4 nhóm chỉ tiêu nêu trên với tỷ lệ tính điểm cho từng nhóm chỉ tiêu là 25%. Xếp hạng các nền kinh tế được xác định bằng cách sắp xếp điểm số của mỗi quốc gia, trong đó, điểm số khởi sự kinh doanh là trung bình đơn giản của điểm số cho từng chỉ số thành phần. Ngân hàng thế giới sẽ xây dựng một danh sách chi tiết các bước thủ tục, thời gian, chi phí (chính thức) và yêu cầu vốn tối thiểu dựa trên việc nghiên cứu các quy định pháp luật và thông tin công khai có sẵn về khởi sự kinh doanh của mỗi quốc gia. Đối tượng được điều tra, phỏng vấn và xác minh dữ liệu là các luật sư địa phương, công chứng viên và quan chức chính phủ.

Để dữ liệu có thể so sánh giữa các nền kinh tế, Ngân hàng thế giới đưa ra giả định về doanh nghiệp mẫu (Bảng 1).

Bảng 1: Giả định đối với doanh nghiệp mẫu để tiến hành đánh giá cho chỉ số Khởi sự kinh doanh

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại hình Công ty TNHH** | - Công ty TNHH tư nhân, sở hữu trong nước 100%- Công ty có 5 thành viên, được quản lý bởi một giám đốc địa phương |
| **Địa điểm** | Hoạt động tại thành phố trung tâm kinh tế lớn nhất |
| **Quy mô Công ty** | - Vốn thành lập công ty bằng 10 lần thu nhập bình quân đầu người - Doanh thu hàng năm bằng 100 lần thu nhập bình quân đầu người - Có từ 10-50 nhân viên trong vòng 1 tháng sau khi đi vào hoạt động và toàn bộ nhân viên phải là công dân của quốc gia đó. |
| **Ngành nghề hoạt động** | - Hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung, ví dụ hoạt động sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa dịch vụ ra thị trường. - Doanh nghiệp không được hưởng các ưu đãi đầu tư hoặc các lợi ích đặc biệt khác - Doanh nghiệp không thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, không mua bán hay liên quan đến các mặt hàng phải chịu chế độ thuế đặc biệt (ví dụ như rượu, thuốc lá) |
| **Tài sản** | - Doanh nghiệp không sở hữu bất động sản (đi thuê nhà máy, văn phòng)- Có hợp đồng thuê hàng năm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người). - Không gian văn phòng (thuê) rộng khoảng 929 m2 |
| **Điều lệ Công ty** | Văn bản gồm 10 trang |

*Về các bước thủ tục*

Các bước thủ tục trong quy trình Khởi sự kinh doanh (trước, trong và sau đăng ký kinh doanh) được thể hiện ở Bảng 2. Trong đó, giả định rằng người sáng lập công ty tự thực hiện tất cả các thủ tục (trừ trường hợp luật quy định bắt buộc sử dụng bên thứ ba). Tương tác của người thành lập doanh nghiệp với bên ngoài (cơ quan nhà nước, luật sư, công chứng viên, …) hoặc vợ /chồng (nếu cần về mặt pháp lý) sẽ được tính thành một thủ tục. Tương tác giữa người sáng lập doanh nghiệp với cán bộ và nhân viên doanh nghiệp không được tính là thủ tục. Các thủ tục tiến hành tại các quầy hoặc văn phòng khác nhau (kể cả trường hợp nằm trong cùng 1 tòa nhà) được tính riêng. Trường hợp người sáng lập công ty đến cùng một cơ quan nhưng phải đến nhiều lần để thực hiện các khâu khác nhau theo trình tự thủ tục thì mỗi lần sẽ được tính riêng. Mỗi thủ tục tiến hành qua mạng được tính là thủ tục riêng biệt. Nếu 2 thủ tục có thể được thực hiện trên cùng một trang web nhưng phải nộp riêng rẽ thì sẽ tính là 2 thủ tục khác nhau. Sự chấp thuận từ vợ hoặc chồng để sở hữu một doanh nghiệp được coi là thủ tục nếu pháp luật yêu cầu hoặc nếu không có được sự chấp thuận đó, vợ hoặc chồng sẽ phải chịu hậu quả theo luật. Các thủ tục cần để tiến hành thư từ, thông tin liên lạc, giao dịch chính thức với các cơ quan quản lý nhà nước cũng được tính thành 1 thủ tục. Các thủ tục đặc thù của ngành được loại trừ (chỉ bao gồm các thủ tục cần thiết áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp).

Bảng 2: Một số thủ tục phải thực hiện để một doanh nghiệp bắt đầu hoạt động kinh doanh

|  |
| --- |
| **Trước đăng ký kinh doanh** |
| * Kiểm tra xem tên công ty theo đề xuất đã được dùng chưa?
* Soạn thảo và công chứng điều lệ công ty
* Gửi tiền vốn góp chủ sở hữu tối thiểu vào 1 tài khoản ngân hàng
 |
| **Đăng ký kinh doanh** |
| * Nộp đơn xin thành lập công ty
* Đóng lệ phí
* Tiến hành các thủ tục khác theo quy định của cơ quan đăng ký kinh doanh
 |
| **Sau đăng ký kinh doanh** |
| * Tiến hành đăng ký với cơ quan thuế
* Xin giấy phép kinh doanh
* Đăng ký Bảo hiểm Xã hội/Bảo hiểm Y tế/Các chương trình Phúc lợi Xã hội cho người lao động
* Mua và hợp pháp hóa sổ sách công ty
* Chuẩn bị con dấu công ty
 |

*Về thời gian thực hiện thủ tục*

Thời gian thực hiện thủ tục được tính bằng ngày, với giả định rằng thời gian tối thiểu cần thiết cho mỗi thủ tục là một ngày. Đối với các thủ tục có thể tiến hành hoàn toàn qua mạng, thời gian tối thiểu là nửa ngày. Việc khởi sự kinh doanh được coi là hoàn tất nếu doanh nghiệp chính thức nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký thành lập doanh nghiệp.

*Về chi phí thực hiện thủ tục*

Chi phí thực hiện thủ tục được ghi nhận là % thu nhập bình quân đầu người. Chi phí này bao gồm tất cả các khoản phí, lệ phí chính thức và phí dịch vụ pháp lý và tư vấn (nếu có) theo quy định của pháp luật. Không tính chi phí không chính thức trong tất cả mọi trường hợp.

*Về vốn tối thiểu*

Quy định về vốn tối thiểu phản ánh số tiền chủ doanh nghiệp cần gửi vào ngân hàng hoặc giao cho cán bộ công chứng trước khi tiến hành đăng ký và duy trì trong vòng 3 tháng sau khi thành lập công ty. Nếu một quốc gia có quy định về mức vốn pháp định, nhưng cho phép các doanh nghiệp chỉ đóng một phần trước khi đăng ký thì phần đóng trước khi đăng ký sẽ được tính vào chỉ số này.

Bảng dưới đây khái quát lại cách thức đo lưởng chỉ số Khởi sự kinh doan

Bảng 3: Cách thức đo lường chỉ tiêu Khởi sự kinh doanh

|  |
| --- |
| **Các thủ tục phải thực hiện để một doanh nghiệp bắt đầu hoạt động kinh doanh (số thủ tục)** |
| Trước khi đăng ký kinh doanh (ví dụ: xác định tên doanh nghiệp, công chứng,…) |
| Đăng ký kinh doanh |
| Sau khi đăng ký kinh doanh (ví dụ: đăng ký BHXH, con dấu,…) |
| Nhận được GCN đăng ký kinh doanh |
| Các văn bản cụ thể về giới được áp dụng |
| **Thời gian (ngày dương lịch)** |
| Không bao gồm thời gian thu thập thông tin, làm hồ sơ |
| Mỗi thủ tục bắt đầu từ ngày kế tiếp (hai thủ tục không thực hiện trong cùng một ngày). Thủ tục áp dụng online là ngoại lệ, tính bằng ½ ngày. |
| Từ khi nộp hồ sơ cho đến khi nhận kết quả |
| Không có liên hệ với công chức thực thi |
| **Chi phí (% thu nhập bình quân đầu người)** |
| Chỉ tính chi phí chính thức, không tính chi phí phi chính thức |
| Không sử dụng phí trung gian, dịch vụ |
| **Yêu cầu về vốn tối thiểu (% thu nhập bình quân đầu người)** |
| Yêu cầu về vốn (trước và sau đăng ký kinh doanh) |

Có thể thấy, việc áp dụng cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước đánh giá được hiện trạng môi trường kinh doanh ở quốc gia mình một cách khoa học, hiệu quả với chi phí thấp. Mặt khác, việc khung đánh giá được xây dựng dựa trên các nghiên cứu khoa học, với các chỉ số đã được lượng hóa, công bố chi tiết sẽ giúp các quốc gia có thể dễ dàng áp dụng mà không phải tự mình xây dựng một khung đánh giá riêng, giúp giảm đáng kể nguồn lực chi phí, đồng thời đảm bảo tính khách quan, công bằng trong quá trình đánh giá và giúp các quốc gia so sánh được vị thế của mình với các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó tạo động lực để cải cách môi trường kinh doanh.

Năm 2014, Nghị quyết số 19 của Chính phủ lần đầu tiên áp dụng một khung đánh giá quốc tế nhằm mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh quốc gia. Nghị quyết đã đề ra các mục tiêu cụ thể cho từng chỉ số và chỉ rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện mục tiêu. Năm 2019, Nghị quyết đổi tên thành Nghị quyết 02 ban hành vào đầu năm nhằm tạo thuận lợi cho việc lên kế hoạch thực hiện các mục tiêu trong cả năm. Kết quả là Việt Nam đã đạt được một số thành tựu và kết quả cải cách đáng ghi nhận trong thời gian qua (xếp hạng môi trường kinh doanh theo báo cáo của Ngân hàng tăng 12 bậc, từ thứ 82 năm 2016 lên thứ 70 năm 2019, tăng 5,97).

Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc áp dụng một khung đánh giá chung theo Ngân hàng thế giới cũng gặp phải những hạn chế nhất định. Điển hình là việc đánh giá không được đầy đủ và chính xác tình hình thực tế của từng quốc gia do mỗi quốc gia có những đặc điểm riêng về lịch sử, tình hình kinh tế, xã hội. Do đó, việc xây dựng một bộ chỉ số có thể đánh giá tất cả các quốc gia tất yếu sẽ phải đối mặt với việc bộ chỉ số đó không thể đo lường được đầy đủ và chính xác các đặc điểm riêng của từng quốc gia hoặc từng nhóm quốc gia. Để tránh được điều này thì cần thiết phải nghiên cứu rõ ràng cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới với mỗi chỉ số thành phần để có thể định hướng hoạt động cải cách chính xác và hiệu quả nhất.

Đối với chỉ số Khởi sự kinh doanh, việc đánh giá quy trình đối với một doanh nghiệp “mẫu” với các giả định như trên đã gián tiếp loại bỏ đánh giá các quy định với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Thực tế ở Việt Nam, việc doanh nghiệp phải thực hiện nhiều thủ tục, đáp ứng các quy định về điều kiện kinh doanh đang là một trong những cản trở lớn nhất đến quá trình gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa kể cả khi Việt Nam có thứ hạng cao đối với chỉ số này không đồng nghĩa với việc gia nhập thị trường ở Việt Nam dễ dàng hơn so với các quốc gia khác.

# 2. Thực trạng Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam

## ***2.1. Tổng quan xếp hạng Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam***

Kết quả xếp hạng tại báo cáo Môi trường kinh doanh 2020 của Ngân hàng thế giới cho thấy chỉ số Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam mặc dù được ghi nhận tăng điểm (nhờ giảm 1 ngày thực hiện thủ tục) nhưng lại bị tụt 11 bậc, đứng vị trí thứ 115/190 nền kinh tế. Bảng dưới đây liệt kê chi tiết số thủ tục, thời gian và chi phí Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam tại các xếp hạng môi trường kinh doanh từ 2017-2020.

Bảng 4: Xếp hạng Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam và các đánh giá về nhóm chỉ số thành phần

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **DB2017** | **DB2018** | **DB 2019** | **DB2020** |
| **Khởi sự kinh doanh (thứ hạng)** | **121** | **123** | **104** | **115** |
| **Khởi sự kinh doanh (điểm số)** | **81.76** | **82.02** | **84.82** | **85.1** |
| Số thủ tục (nam) | 9 | 9 | 8 | 8 |
| Thời gian (nam) (ngày) | 24 | 22 | 17 | 16 |
| Chi phí - nam (% thu nhập bình quân đầu người) | 4.6 | 6.5 | 5.9 | 5.6 |
| Số thủ tục (nữ) | 9 | 9 | 8 | 8 |
| Thời gian (nữ) (ngày) | 24 | 22 | 17 | 16 |
| Chi phí - nữ (% thu nhập bình quân đầu người) | 4.6 | 6.5 | 5.9 | 5.6 |
| Yêu cầu về vốn tối thiểu (% thu nhập bình quân đầu người) | 0 | 0 | 0 | 0 |

*Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh, Ngân hàng thế giới*

Qua hơn 20 năm triển khai và thực hiện Luật Doanh nghiệp, chỉ số Khởi sự kinh doanh của Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể thể hiện ở việc điểm số có xu hướng tăng qua các năm (Hình 2). Đặc biệt từ sau năm 2014, khi Luật Doanh nghiệp 2014 ra đời với những quy định cải cách đột phá, có tác động tích cực trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng hơn cho doanh nghiệp, thúc đẩy thành lập và phát triển doanh nghiệp.

Hình 2: Điểm số Khởi sự kinh doanh của Việt Nam trong xếp hạng MTKD của NHTG, 2004-2020

*Nguồn : Tổng hợp từ các Báo cáo MTKD, NHTG*

Mặc dù điểm số Khởi sự kinh doanh cũng đã có những thay đổi tích cực thể hiện những nỗ lực cải cách của Chính phủ, song thứ hạng này của Việt Nam vẫn nằm ngoài top 100. So với các nước trong khu vực, thì chỉ số này vẫn còn thua kém. Xét trong ASEAN, Việt Nam xếp sau Singapore, Brunei, Thái Lan và Myanmar, chỉ đứng trên Malaysia, Indonesia, Philippines, Lào và Campuchia.

Hình 3: Xếp hạng chỉ số khởi sự kinh doanh của Việt Nam so với các nước ASEAN

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm số các nền kinh tế ASEAN trong xếp hạng chỉ số khới sự kinh doanh theo báo cáo Doing business 2020** | **Thứ hạng các nền kinh tế ASEAN trong xếp hạng chỉ số khới sự kinh doanh theo báo cáo Doing business 2020** |

*Ghi chú: Khoảng cách (0=kém nhất, 100= tốt nhất). Nguồn: Ngân hàng Thế giới*

*Nguồn: Báo cáo MTKD 2020, NHTG*

## ***2.1. Chi tiết các bước thủ tục, thời gian và chi phí thực hiện Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới***

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, quy trình Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam hiện nay gồm 8 thủ tục, cụ thể: (1) Đăng ký doanh nghiệp và công bố nội dung đăng ký kinh doanh; (2) Khắc dấu; (3) Gửi thông báo mẫu dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh; (4) Mở tài khoản ngân hàng; (5) Mua hoặc tự in hóa đơn VAT; (6) Nộp lệ phí môn bài; (7) Đăng ký lao động; và (8) Đăng ký bảo hiểm xã hội (Hình 4)

Hình 4: Số bước thủ tục và thời gian thực hiện Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam

*Nguồn: Báo cáo MTKD 2020, NHTG*

Để thực hiện 8 thủ tục trong quy trình khởi sự kinh doanh như trên Việt Nam cần 16 ngày, trong khi đó quy trình này ở Singapore là 2 thủ tục và mất 1.5 ngày, Brunei, Thái Lan và Myanmar lần lượt là 3 và 5; 5 và 6; 6 và 7 (Hình 7). Trung bình khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, khởi sự kinh doanh mất 6.5thủ tục và thực hiện trong 25.6 ngày.

Hình 5: Số thủ tục và thời gian thực hiện quy trình khởi sự kinh doanh ở một số nước Đông Nam Á

|  |  |
| --- | --- |
| **Singapore** | **Brunei** |
| **Thái Lan** | **Myanmar** |

*Nguồn: Báo cáo MTKD, NHTG*

Trong số 8 thủ tục nêu trên, có 2 thủ tục góp phần đáng kể trong việc kéo lùi thứ hạng và điểm số của chỉ số Khởi sự kinh doanh của nước ta là: (i) thủ tục mua và tự in hóa đơn VCT (chiếm 10 ngày trên tổng 16 ngày); (ii) thủ tục nộp lệ phí môn bài (chi phí 2.000.000 VND, chiếm khoảng trên 60% tổng chi phí). Bảng dưới đây trình bày chi tiết các bước thủ tục và thời gian cũng như chi phí thực hiện Khởi sự kinh doanh của Việt Nam.

Bảng 5: Chi tiết đo lường các bước thủ tục thực hiện Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam theo đánh giá của Ngân hàng thế giới tại báo cáo MTKD 2020

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thủ tục** | **Thời gian (ngày)** | **Chi phí liên quan** |
| 1 | **Đăng ký doanh nghiệp và công bố nội dung đăng ký kinh doanh**Cơ quan liên quan: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Văn bản pháp lý: Điều 27 Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Nghị định 108/2018/NĐ-CP, Thông tư số 215/2016/TT-BTC, Thông tư 130/2017/TT-BTC  | 3 | - 100.000 VND (phí đăng ký doanh nghiệp, miễn phí nếu doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử)- 300.000 VND (phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp) |
|  | - Để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp phải nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 108/2018/ NĐ-CP ngày23/8/2018. Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký đáp ứng đầy đủ theo quy định, Phòng đăng ký kinh doanh sẽ chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và kiểm tra đơn đăng ký và các tài liệu hỗ trợ.- Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.  Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh sẽ gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội. - Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp- Về lệ phí: Theo Thông tư 130/2017/TT-BTC ngày 4/12/2017 sửa đổi một số điều của Thông tư 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính, mức lệ phí đăng ký doanh nghiệp là 100.000 VND. Riêng đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, Thông tư cũng quy định mức phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp là 300.000 VND |  |   |
| 2 | **Khắc dấu**Cơ quan liên quan: Đơn vị khắc dấu | 1 | 450.000 VND |
|  | - Con dấu doanh nghiệp được yêu cầu bởi pháp luật và trong thực tế được sử dụng để mở một tài khoản ngân hàng.- Doanh nghiệp có được con dấu từ một đơn vị khắc dấu. - Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, nội dung và số lượng con dấu của doanh nghiệp. trừ trường hợp Điều lệ doanh nghiệp có quy định khác. Mỗi doanh nghiệp có một mẫu con dấu thống nhất về nội dung, hình thức và kích thước. Tức là, doanh nghiệp có bao nhiêu con dấu cũng được, nhưng tất cả chúng đều phải thống nhất theo một mẫu dấu đã đăng ký |  |  |
| 3 | **Thông báo mẫu con dấu (qua mạng điện tử)**Cơ quan liên quan: Phòng Đăng ký kinh doanhVăn bản pháp lý: Điều 44 Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Nghị định 108/2018/NĐ-CP | 1 | Không mất phí |
|  | - Doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo con dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi sử dụng để công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.- Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo mẫu dấu qua mạng điện tử thì không cần nộp hồ sơ bằng bản giấy đến Phòng Đăng ký kinh doanh.- Sau khi nhận được hồ sơ thông báo về mẫu con dấu, Phòng Đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận cho doanh nghiệp và thực hiện đăng tải thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp thông báo về việc đăng tải thông tin mẫu con dấu của doanh nghiệp.- Con dấu doanh nghiệp được quản lý, sử dụng theo Điều lệ công ty và không có thời hạn sử dụng, dùng tới khi nào doanh nghiệp muốn đổi mẫu con dấu mới.Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có nhu cầu thay đổi hay hủy bỏ con dấu chỉ cần thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh. |  |  |
| 4 | **Mở tài khoản ngân hàng**Cơ quan liên quan: Ngân hàng Thương mại | 1 | Không mất phí |
|  | - Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp cần liên hệ các Ngân hàng thương mại để tiến hành mở tài khoản thanh toán cho doanh nghiệp mình.- Mỗi ngân hàng yêu cầu một khoản tiền gửi tối thiểu khác nhau để mở một tài khoản. - Hồ sơ mở tài khoản ngân hàng thông thường gồm có: mẫu đơn do ngân hàng cấp, một bản sao thông báo sử dụng con dấu có đóng dấu xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh, Điều lệ của Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các tài liệu cần thiết khác theo yêu cầu. - Tài khoản ngân hàng là cần thiết trong thực tế để nộp thuế. |  |  |
| 5 | **Mua hoặc tự in hóa đơn VAT**Cơ quan liên quan: Cơ quan thuếVăn bản pháp lý: Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014, Thông tư 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 (Tuy nhiên, đây là 2 văn bản pháp lý được cập nhật trong giai đoạn điều tra thu thập số liệu của WB phục vụ cho báo cáo MTKD 2020. Kể từ ngày 14/11/2019, 2 Thông tư kể trên đã hết hiệu lực thi hành và thay thế bởi Thông tư 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2018/NĐ-CP) | 10 | Khoảng 200.000 VND/1 quyển hóa đơn |
|  | - Các doanh nghiệp sẽ sử dụng hóa đơn tự in hoặc mua hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn điện tử. Quy định hóa đơn điện tử là không bắt buộc, do vậy phần lớn các doanh nghiệp lựa chọn hóa đơn giấy truyền thống.- Doanh nghiệp phải liên hệ với đơn vị in hóa đơn (là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh còn hiệu lực, và phải có giấy phép hoạt động ngành in gồm cả in xuất bản phẩm và không phải xuất bản phẩm) để đặt in Hóa đơn VAT và phải đăng ký tự in hóa đơn với Cục Thuế địa phương. - Để đăng ký tự in hóa đơn, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ theo quy định bao gồm: (i) Đơn đề nghị sử dụng hóa đơn tự (ii) Quyết định áp dụng hoá đơn tự in; (iii) Mẫu hoá đơn do tổ chức, cá nhân tự thiết kế; (iv) Sơ đồ địa điểm sản xuất, kinh doanh, văn phòng giao dịch do tổ chức, cá nhân tự vẽ có xác nhận và cam kết của người đứng đầu tổ chức, cá nhân hoặc bản sao hợp đồng cho thuê nếu mặt bằng được cho thuê, được chứng nhận bởi ủy ban nhân dân phường; (v) Bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp; (vi) CMND của người đứng đầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; (vii) Giấy chứng nhận đăng ký khai thuế theo phương pháp khấu trừ bản chính và bản saoTrong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải có ý kiến về điều kiện sử dụng hóa đơn tự in của doanh nghiệp. Trường hợp sau 02 ngày làm việc cơ quan quản lý thuế trực tiếp không có ý kiến bằng văn bản thì doanh nghiệp được sử dụng hóa đơn tự in- Để mua hóa đơn từ Cơ quan thuế, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ theo quy định, bao gồm: (i) Đơn đề nghị mua hóa đơn; (ii) văn bản cam kết về địa chỉ sản xuất, kinh doanh phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư (giấy phép hành nghề) hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền; (iii) Giấy ủy quyền và chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người đi mua (nếu không phải là đại diện theo pháp luật). Việc mua hóa đơn của cơ quan thuế phải do cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện việc bán hóa đơn. - Chi phí thời gian mất khoảng 10 ngày để có được hóa đơn VAT tự in và đăng ký với Cục Thuế địa phương.  |  |  |
| \*6 | **Nộp lệ phí môn bài**Cơ quan liên quan: Cơ quan thuế (tài chính)Văn bản pháp luật: Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài, Thông tư 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 về hướng dẫn lệ phí môn bài | Dưới 01 ngày (thủ tục trực tuyến), tiến hành đồng thời vớicác thủ tục trước đó | 2.000.000 đồng |
|  | - Lệ phí môn bài phải được nộp cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký báo cáo thuế hoặc thông qua các ngân hàng thương mại được chỉ định.-Doanh nghiệp phải khai lệ phí môn bài một lần khi mới ra hoạt động kinh doanh, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. - Lệ phí môn bài được nộp hàng năm và chậm nhất là ngày 30 tháng 1 hàng năm (liên quan đến các doanh nghiệp đang hoạt động) và trong tháng khi doanh nghiệp mới thành lập có được mã số thuế.- Một doanh nghiệp nếu được thành lập trong 6 tháng đầu năm sẽ phải nộp mức lệ phí môn bài cả năm. Nếu doanh nghiệp được thành lập trong 6 tháng cuối năm (từ 01/7 về cuối năm) thì nộp 50% mức lệ phí môn bài cả năm.- Theo Điều 4, Thông tư 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016, mức thu lệ phí môn bài phụ thuộc vào vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư của doanh nghiệp+ Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 (ba triệu) đồng/năm;+ Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 (hai triệu) đồng/năm;+ Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 (một triệu) đồng/năm.- Doanh nghiệp có thể nộp lệ phí môn bài bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng thương mại theo mẫu C1-02/NS Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước.  |  |  |
| \*7 | **Đăng ký lao động**Cơ quan liên quan: Sở Lao động thương binh và xã hội địa phươngVăn bản pháp lý: Bộ Luật Lao động, Nghị định 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm | 1 ngày, tiến hành đồng thời vớicác thủ tục trước đó | Không mất phí |
|  | - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội  - Mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và nhân viên của mình được quy định bởi Bộ luật Lao động và được quy định trong hợp đồng lao động. |  |  |
| \*8 | **Đăng ký BHXH, BHYT**Cơ quan liên quan: Cơ quan BHXHVăn bản pháp lý: Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 (Chương VII), [Quyết định 772/QĐ-BHXH](https://luatvietnam.vn/bao-hiem/quyet-dinh-772-qd-bhxh-2018-thu-tuc-hanh-chinh-linh-vuc-thu-bao-hiem-xa-hoi-165696-d1.html#noidung) ngày 15/6/2018 | 1 ngày, tiến hành đồng thời vớicác thủ tục trước đó  | Không mất phí  |
|  | - Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc ngày có hiệu lực của quyết định tuyển dụng thì người sử dụng lao động phải tiến hành thủ tục đăng ký BHXH cho người lao động- Người sử dụng lao động phải điền vào mẫu do Cơ quan Bảo hiểm xã hội cung cấp và bao gồm các thông tin sau: tên nhân viên và ngày sinh, tiền lương (như đã nêu trong hợp đồng lao động), số sổ bảo hiểm xã hội (đối với nhân viên đã được cấp sổ), bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty và bản sao của mỗi hợp đồng lao động.- Cơ quan bảo hiểm xã hội trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định phải cấp sổ bảo hiểm đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc lần đầu- Chủ lao động có trách nhiệm trả các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội và sức khỏe cho mỗi nhân viên.- Thanh toán được thực hiện (hàng tháng hoặc hàng quý) trực tiếp cho Cơ quan bảo hiểm xã hội.- Bảo hiểm y tế được cấp trong tháng đầu tiên của năm. |  |  |

*Ghi chú: \* là các thủ tục thực hiện đồng thời. Cột STT là các bước thủ tục, tương ứng với thứ tự các bước thủ tục thể hiện trong Hình 4*

*Nguồn: Báo cáo MTKD 2020, NHTG*

## ***2.3. Một số cải cách trong thúc đẩy gia nhập thị trường và dư địa cải cách trong thời gian tới***

Thời gian qua, Chính phủ cũng như các bộ, ngành Việt Nam đã có những nỗ lực cải cách đáng kể nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Một loạt giải pháp, cải cách trong quy trình khởi sự kinh doanh nhằm rút ngắn thủ tục, thời gian, giảm chi phí cho doanh nghiệp đã được đưa ra, cụ thể:

Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp cho phép doanh nghiệp được gộp đề nghị đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chi phí đối với các thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp cũng được xem xét giảm, cụ thể, kể từ ngày 20/9/2019, mức lệ phí đăng ký doanh nghiệp được giảm 50% so với quy định trước đây (từ 100.000 đồng xuống còn 50.000 đồng), miễn 100% nếu doanh nghiệp đăng ký qua mạng điện tử, đồng thời phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp cũng giảm xuống còn 100.000 đồng/lần, thay vì mức thu 300.000 đồng/lần như trước đây (quy định tại Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 5/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp)[[1]](#footnote-1).

Một trong những cải cách quan trọng trong thời gian vừa qua phải kể đến Luật Doanh nghiệp 2020 vừa được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá XIV đã có thay đổi quan trọng trong cắt giảm thủ tục hành chính và tạo thuận lợi hơn cho việc đăng ký doanh nghiệp, gia nhập thị trường. Theo đó, Luật bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính liên quan đến con dấu của doanh nghiệp, cụ thể là bãi bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu, đồng thời, cho phép doanh nghiệp có thể sử dụng dấu "số" thay cho dấu "truyền thống”. Ngoài ra, Luật cũng đã thiết lập cơ chế đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử với bộ hồ sơ điện tử mà không phải nộp thêm bộ hồ sơ giấy như hiện nay, như vậy đăng ký doanh nghiệp có thể thực hiện hoàn toàn trên môi trường số. Với sự thay đổi to lớn này, thứ hạng Khởi sự kinh doanh của Việt Nam có thể tăng từ 25-30 bậc, đạt mục tiêu theo như yêu cầu của Chính phủ.

Ngoài ra, trong tháng 2/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài. Theo đó, doanh nghiệp được miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập. Như vậy, trong quy trình Khởi sự kinh doanh tại Việt Nam sẽ giảm đi 1 thủ tục (còn 7 thủ tục) và chi phí giảm 2.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử. Theo đó, Thông tư quy định kể từ ngày 01/11/2020, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử. Việc quy định bắt buộc sử dụng hóa dơn điện tử được kỳ vọng sẽ giúp giảm thời gian thực hiện thủ tục mua hoặc tự in hóa đơn VAT (đang được Ngân hàng thế giới ghi nhận mất 10 ngày) trong quy trình khởi sự kinh doanh. Mặt khác, sử dụng hóa đơn điện tử sẽ giúp môi trường kinh doanh trở nên minh bạch và công bằng hơn, cụ thể: giúp doanh nghiệp tối ưu thời gian và chi phí trong quy trình kinh doanh, hạn chế tình trạng gian lận, mua bán hóa đơn giả, ngăn chặn nạn trốn thuế, chống thất thoát ngân sách nhà nước, nâng cao tính cạnh tranh của thị trường.

Bên cạnh đó, một cải cách khác được kỳ vọng sẽ thực hiện trong thời gian tới đó là việc ra đời của Nghị định quy định về phối hợp, liên thông thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị bảo hiểm xã hội, sử dụng hóa đơn đặt in, tự in. Hiện dự thảo Nghị định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn tất trình Chính phủ. Theo dự thảo Nghị định, sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gửi thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đơn vị trực thuộc và tổng số lao động dự kiến của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc cho hệ thống thông tin của cơ quan quản lý nhà nước về lao động. Khi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc có sự thay đổi về số lượng lao động, cơ quan quản lý nhà nước về lao động sẽ gửi thông tin cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng theo Dự thảo, sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gửi thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đơn vị trực thuộc, số lượng lao động dự kiến, phương thức đóng bảo hiểm xã hội cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm xã hội. Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc được sử dụng làm mã số đơn vị bảo hiểm xã hội… Dự thảo cũng quy định phương án phối hợp, liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong sử dụng hóa đơn đặt in, tự in. Như vậy, việc phối hợp, liên thông giữa các cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh, lao động, bảo hiểm, thuế sẽ giúp doanh nghiệm tiết kiệm thời gian, chi phí. Một khi Nghị định được ban hành, quy trình Khởi sự kinh doanh sẽ giảm thêm 2 bước thủ tục.

**3. Một số kiến nghị, giải pháp cải cách Khởi sự kinh doanh**

Trong hơn 20 năm qua, các phiên bản Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014 và gần đây nhất là Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo nên cuộc cách mạng về khởi sự kinh doanh ở Việt Nam. Mặt khác, những nỗ lực cải cách của Chính phủ và các bộ, ngành như đã trình bày ở trên cho thấy dư địa cắt giảm liên quan đến gia nhập thị trường ở Việt Nam không còn nhiều. Về lâu dài, một số kiến nghị, giải pháp được đưa ra xem xét cụ thể như sau:

Đẩy mạnh liên thông, tích hợp dữ liệu, trao đổi thông tin giữa các cơ quan

Như đã trình bày ở trên, để thực hiện thủ tục khởi sự kinh doanh, doanh nghiệp phải làm việc với 05 cơ quan bao gồm: Đăng ký kinh doanh, Thuế, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội và Lao động. Thực tế cho thấy mới chỉ có sự phối hợp giữa cơ quan thuế và đăng ký kinh doanh trong việc cấp mã số thuế và mã số doanh nghiệp. Việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước nhằm thực hiện liên thông các bước thủ tục, quy định giảm thời gian, giám sát chặt chẽ việc thực thi là cần thiết để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập thị trường, thu hút đầu tư, khuyến khích sáng tạo trong kinh doanh.

Áp dụng chính phủ điện tử vào quy trình khởi nghiệp

Ngày 07/3/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. Trong thời gian tới Chính phủ cũng như các bộ, ngành cần quan tâm và tiếp tục hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác (Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương).

Ngoài ra, một nội dung khác cũng cần được quan tâm đó là thường xuyên cập nhật kết quả cải cách đến Ngân hàng thế giới. Thực tế cho thấy, một số cải cách liên quan đến gia nhập thị trường ở Việt Nam chưa được Ngân hàng thế giới ghi nhận để đánh giá xếp hạng và cho điểm. Do đó, trong thời gian tới cần tiếp tục chủ động, cập nhật kịp thời đến Ngân hàng thế giới về các cải cách liên quan. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân tham gia điều tra, khảo sát của Ngân hàng thế giới về các cải cách trong gia nhập thị trường.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 02 trình Chính phủ.
2. Divanbeigi, Raian; Ramalho, Rita, “[Business regulations and growth](https://www.wdronline.worldbank.org/bitstream/handle/10986/22172/Business0regulations0and0growth.pdf?sequence=1)”. World Bank Group, Policy Research Working Paper 7299 (2015).
3. Jonathan Munemo, “Business start-up regulations and the complementarity between foreign and domestic investment”. Review of World Economics, Volume 150, Issue 4, Pages 745-761, November 2014.
4. Leora Klapper and Inessa Love, “[The Impact of Business Environment Reforms on New Firm Registration](http://documents.worldbank.org/curated/en/2010/12/16831654/impact-business-environment-reforms-new-firm-registration)”. World Bank Policy Research Working Paper 5493 (2016).
5. World Bank. Doing Business Reports *(electronic edition),* <http://www.doingbusiness.org/en/reports/global-reports/doing-business-2019>
6. World Bank. Doing Business Reports Data*,* <https://www.doingbusiness.org/en/data/exploretopics/starting-a-business/good-practices>
1. Tuy nhiên, do hàng năm, Ngân hàng thế giới sẽ kết thúc điều tra thu thập dữ liệu về môi trường kinh doanh tại các quốc gia vào cuối tháng 5, vì vậy cải cách này chưa được ghi nhận trong báo cáo Môi trường kinh doanh 2020. Hi vọng, trong báo cáo Môi trường kinh doanh 2021 cải cách này sẽ được ghi nhận, giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp gia nhập thị trường. [↑](#footnote-ref-1)